

NGHỊ QUYẾT

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 21**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15, ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 71/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ quy định về giá đất;

Thực hiện Nghị quyết số 1104/NQ-UBTVQH15 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Nam Định;

Xét Tờ trình số 122/TTr-UBND ngày 18 tháng 9 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Bảng giá đất điều chỉnh và hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023

1. Sửa đổi khoản 1 Điều 3 Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND như sau:

“1. Bảng giá đất tại Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2025.”

2. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 1 Quy định Bảng giá đất điều chỉnh trên địa bàn tỉnh Nam Định ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND như sau:

“1. Bảng giá đất tại Quy định này được áp dụng cho các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 159 Luật Đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024.”

3. Bổ sung một số nội dung vào Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND: Chi tiết tại Phụ lục I kèm theo Nghị quyết này.

4. Bổ sung, bãi bỏ một số nội dung Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết số 78/2023/NQ-HĐND: Chi tiết tại Phụ lục II kèm theo Nghị quyết này.

5. Đối với cấp huyện, cấp xã thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính theo Nghị quyết số 1104/NQ-UBTVQH15 ngày 23 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh Nam Định thì tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã được sửa đổi, bổ sung theo tên đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã mới.

Điều 2. Trách nhiệm tổ chức thực hiện


1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết và chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và Hội đồng nhân dân tỉnh trong quá trình xây dựng, quản lý, sử dụng bảng giá đất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Như Điều 2;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- Thường trực HU, HĐND, UBND các huyện, TP;
- Công báo tỉnh; Báo Nam Định;
- Website tỉnh; Website Chính phủ;
- Công TTĐT Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Lê Quốc Chính



Phụ lục I

**BỔ SUNG MỘT SỐ NỘI DUNG PHỤ LỤC I - BẢNG GIÁ ĐẤT Ở TRÊN
ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ
QUYẾT SỐ 78/2023/NQ-HĐND**

(Kèm theo Nghị quyết số 95/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

1. Bổ sung nội dung “số thứ tự 368 – Khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ” vào sau “số thứ tự 367” của phụ lục I – Bảng giá đất ở trên địa bàn thành phố Nam Định như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG, PHỐ, KHU VỰC DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ	Đơn giá
		Vị trí 1
368	Khu đô thị đường Nguyễn Công Trứ	
	Đường Nguyễn Công Trứ	47.500
	Đường đôi từ hồ Lộc Vượng qua đường Kênh đến QL10	47.000
	Đường N1	44.000
	Các tuyến đường còn lại trong khu đô thị	35.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

2. Bổ sung nội dung: “mục 2.1. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc” của phụ lục II – Bảng giá đất ở trên địa bàn các huyện vào sau “số thứ tự 368” của Phụ lục I – Bảng giá đất ở trên địa bàn thành phố Nam Định và sửa đổi, bổ sung tên mục “2.1. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc” thành “2. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc cũ nay thuộc thành phố Nam Định”.

3. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung mục 2. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc cũ nay thuộc thành phố Nam Định Phụ lục I nêu trên như sau:

a) Bỏ cụm từ “Bao gồm 11 xã, thị trấn và Đại Lộ Thiên Trường” tại mục mục 2. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc cũ nay thuộc thành phố Nam Định;

b) Thay thế các cụm từ: “Xã Mỹ Tiến” (tại số thứ tự 6), “Xã Mỹ Thịnh” (tại số thứ tự 9), “Xã Mỹ Thành” (tại số thứ tự 11) bằng cụm từ “Xã Mỹ Lộc” (số thứ tự 6); thay thế cụm từ “Xã Mỹ Hưng” (tại số thứ tự 7), “Thị trấn Mỹ Lộc” (tại số thứ tự 8) bằng cụm từ “Phường Hưng Lộc” (số thứ tự 7) tại mục 2. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc cũ nay thuộc thành phố Nam Định;

c) Bổ sung tên đường, đơn giá vào số thứ tự 7 (Phường Hưng Lộc) mục 2. Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc cũ nay thuộc thành phố Nam Định như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, ĐOẠN ĐƯỜNG, PHỐ, KHU VỰC DÂN CƯ, KHU ĐÔ THỊ	Đơn giá
		Vị trí 1
7	Phường Hưng Lộc	
	Khu dân cư tập trung (thuộc xã Mỹ Hưng cũ)	
	Tuyến đường D1	23.500
	Đường D3 (các lô Biệt thự)	13.000
	Đường N3	12.000
	Đường N1, N2, D2	15.500

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.



Phụ lục II

**BỔ SUNG, BÃI BỎ MỘT SỐ NỘI DUNG PHỤ LỤC II - BẢNG GIÁ ĐẤT
Ở TRÊN ĐỊA BÀN CÁC HUYỆN BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ
QUYẾT SỐ 78/2023/NQ-HĐND**

(Kèm theo Nghị quyết số 95/2024/NQ-HĐND ngày 20 tháng 9 năm 2024
của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định)

1. Bãi bỏ toàn bộ nội dung mục 2.1 Bảng giá đất ở huyện Mỹ Lộc phụ lục II vì đã được bổ sung vào nội dung Phụ lục I.

2. Bổ sung tên đường, đơn giá vào số thứ tự 3 (xã Liên Minh), số thứ tự 11 (xã Cộng Hòa), số thứ tự 18 (xã Hợp Hưng) mục 2.2. Bảng giá đất ở tại huyện Vụ Bản như sau:

DVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
3	Xã Liên Minh	
	Khu dân cư Cửa Chùa Tứ Giáp	
	Tuyến đường D1, N1, N3	12.500
	Tuyến đường D2, D3, N2	9.000
	Biệt thự đường N2, D2	7.200
	Biệt thự đường N3	10.000
11	Xã Cộng Hòa	
	Khu dân cư tập trung	
	Tuyến đường Gom, D1, N1	9.000
	Tuyến đường D2, N2, N3	6.500
	Biệt thự	5.200
18	Xã Hợp Hưng	
	Khu dân cư tập trung	
	Tuyến đường N1	9.000
	Tuyến đường D1, D2, D3, N2	8.000
	Tuyến đường N3	7.000
	Biệt thự đường N1	7.200
	Biệt thự đường N3	5.600

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

3. Bổ sung tên đường, đơn giá vào số thứ tự 10 (xã Yên Bình), số thứ tự 18 (xã Yên Hồng), số thứ tự 25 (xã Yên Cường) mục 2.3 Bảng giá đất ở tại huyện Ý Yên như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
10	Xã Yên Bình	
	Khu dân cư tập trung An Tổ	
	<i>Đường N1</i>	
	Lô liền kề	9.500
	Lô biệt thự	9.000
	<i>Đường T1, T2</i>	
	Lô liền kề	14.500
	Lô biệt thự	12.000
18	Xã Hồng Quang	
	Điểm tái định cư phân tán phía Bắc thôn Cao Bò (thuộc xã Yên Hồng cũ)	6.500
25	Xã Yên Cường	
	Khu dân cư tập trung	
	Đường G1, đường Tổng Xá	12.000
	Đường N1, N2	10.000
	Đường N3, D4	7.500
	Đường N4, D1	6.500
	Đường D2	7.000
	Các thửa đất biệt thự	7.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

4. Bổ sung tên đường, đơn giá đất Khu dân cư tập trung Nam Quang vào số thứ tự 4 (xã Hồng Quang) mục 2.4. Bảng giá đất ở tại huyện Nam Trực như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
4	Xã Hồng Quang	

	Khu dân cư tập trung Nam Quang	
	Đường N1	15.000
	Đường N2	10.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

5. Bổ sung tên đường, giá đất Khu tái định cư dự án Kênh nối đáy vào số thứ tự 10 (xã Nghĩa Lạc) mục 2.5 Bảng giá đất ở tại huyện Nghĩa Hưng như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
10	Xã Nghĩa Lạc	
	Khu Tái định cư dự án Kênh nối Đáy	
	Các thửa đất tiếp giáp đường tỉnh lộ 488C	12.000
	Các thửa đất còn lại	8.300

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

6. Tại số thứ tự 17 (xã Xuân Kiên) mục 2.7 Bảng giá đất ở tại huyện Xuân Trường

a) Thay thế cụm từ “Xã Xuân Kiên” bằng cụm từ “Xã Xuân Phúc”;

b) Bổ sung tên đường, đơn giá Khu dân cư tập trung vào số thứ tự 17 (Xã Xuân Phúc) như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
17	Xã Xuân Phúc	
	Khu dân cư tập trung (thuộc xã Xuân Kiên cũ)	
	Đường N1, D1, N4 (Đoạn từ D1 đến D2)	15.000
	Đường N2, N3	14.000
	Đường N4 (Đoạn từ D2 đến hết)	13.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

7. Tại mục 2.8 Bảng giá đất ở tại huyện Hải Hậu

a) Thay thế cụm từ “Xã Hải Phương” (tại số thứ tự 18) bằng cụm từ “Thị trấn Yên Định”; thay thế cụm từ “Xã Hải Lý” (tại số thứ tự 33) bằng cụm từ “Thị trấn Cồn” tại mục 2.8 Bảng giá đất ở tại huyện Hải Hậu;

b) Bổ sung một số nội dung vào số thứ tự 18 (Thị trấn Yên Định), số thứ tự 33 (Thị trấn Cồn) mục 2.8 Bảng giá đất ở tại huyện Hải Hậu như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
18	Thị trấn Yên Định	
	Khu dân cư tập trung (<i>thuộc xã Hải Phương cũ</i>)	
	Các thửa đất thuộc CL-1, CL-3, CL-4	12.000
	Các thửa đất thuộc CL-2, CL-5, CL-6	14.000
	Các thửa đất biệt thự	11.200
33	Thị trấn Cồn	
	Khu tái định cư và khu dân cư tập trung xóm Tây Cát (<i>thuộc xã Hải Lý cũ</i>)	
	Các thửa đất thuộc lô CL1 (gồm các thửa: CL1-17 đến CL1-29); các thửa đất thuộc lô CL2 (gồm các thửa CL2-2 đến CL2-7)	6.000
	Thửa đất thuộc lô CL2 (thửa: CL2-01); các thửa đất lô CL1 (gồm các thửa: CL1-01 đến CL1-16)	7.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.

8. Bổ sung tên đường, giá đất các Khu dân cư tập trung vào số thứ tự 6 (xã Hồng Thuận), số thứ tự 18 (xã Giao Thiện) mục 2.9 Bảng giá đất ở tại huyện Giao Thủy như sau:

ĐVT: 1.000 đồng/m²

STT	TÊN ĐƯỜNG - ĐOẠN ĐƯỜNG - KHU VỰC	Đơn giá
		Vị trí 1
6	Xã Hồng Thuận	
	Khu dân cư tập trung xã Hồng Thuận	

	Đường N1, N2, N3, D1	15.000
	Các tuyến đường còn lại	14.000
18	Xã Giao Thiện	
	Khu dân cư tập trung Nam Sông Hồng	
	Đường N3	16.000
	Đường N1, N2	15.000
	Đường D3, D2, N4, N5, N6, N7, N8	14.000
	Đường D4	13.000

* Hệ số lô góc là 1,1 của đường tiếp giáp có mức giá cao nhất.